

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/6/2024.

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phù Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Xuân Bình.

2. Bà Mai Thị Tuyết Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Hoà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ:** bà Huỳnh Kim Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HPT ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị Thảo N. Sinh năm 1999.

Trú tại: Tổ A ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Luật sư Trần Phát T – Luật sư Chi nhánh Văn phòng Luật sư Phú Nhân An.

**Địa chỉ:** F12/2 đường Lô III, ấp F, xã G, huyện H, Thành phố I.

**Bị đơn:** ông Nguyễn Văn T. Sinh năm 1994.

Trú tại: 85C ấp K, xã L, huyện M, Thành phố I.

(bà N, Luật sư T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thảo N và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H, Thành phố I theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48 vào ngày 05/6/2018. Thời gian đầu chung sống thì cuộc sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm không còn nên bà Nguyễn Thị Thảo N yêu cầu được ly hôn

với ông Nguyễn Văn T. Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là trẻ Nguyễn Đăng K, sinh ngày XX/XX/XXXX.

- Về con chung: do trẻ Nguyễn Đăng K đang sống cùng ông Nguyễn Văn T nên bà Nguyễn Thị Thảo N đồng ý giao trẻ Nguyễn Đăng K cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Thảo N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Thảo N khai không có.

- Về nợ chung: bà Nguyễn Thị Thảo N khai không có.

*Ông Nguyễn Văn T không tham gia tố tụng trong vụ án và không có lời khai.  
Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Bà Nguyễn Thị Thảo N, Luật sư Trần Phát T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Nguyễn Thị Thảo N đã chấp hành đúng quy định pháp luật; ông Nguyễn Văn T không tham gia tố tụng trong vụ án.

+ Về giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T N vì có cơ sở; do ông Nguyễn Văn T không có lời khai nên không giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét bà Nguyễn Thị Thảo N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Văn T.

Xét ông Nguyễn Văn T trú tại 85C ấp K, xã L, huyện M, Thành phố I.

Do đó, đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với ông Nguyễn Văn T để tham gia phiên hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với ông Nguyễn Văn T để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bà Nguyễn Thị Thảo N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thảo N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Luật sư Trần Phát T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Luật sư Trần Phát T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Thị Thảo N và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: bà Nguyễn Thị Thảo N và ông Nguyễn Văn T có tự nguyện đăng ký kết hôn và có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Đến năm 2019 thì giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn. Và hai bên đã sống ly thân. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống.

Xét Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Nguyễn Văn T để tham gia phiên hòa giải mâu thuẫn gia đình nhưng ông Nguyễn Văn T không tham gia phiên hòa giải thể hiện ông Nguyễn Văn T không còn tha thiết với cuộc sống chung. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xác định cuộc sống chung của bà Nguyễn Thị Thảo N và ông Nguyễn Văn T đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã thực sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thảo N là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

- *Về con chung:*

Xét trẻ Nguyễn Đăng K đang do ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và bà Nguyễn Thị Thảo N cũng đồng ý giao trẻ Nguyễn Đăng K cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ Nguyễn Đăng K nên giao trẻ Nguyễn Đăng K cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Thảo N được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về việc cấp dưỡng nuôi con:* do bà Nguyễn Thị Thảo N và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì lợi ích của con trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* bà Nguyễn Thị Thảo N khai không có nên không xét.

- *Về nợ chung:* bà Nguyễn Thị Thảo N khai không có nên không xét.

[3] Xét ông Nguyễn Văn T không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Như đã phân tích, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thảo N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH :**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thảo N:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thảo N được ly hôn với và ông Nguyễn Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 48 vào ngày 05/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, Thành phố I hết hiệu lực).

2. Về nuôi con chung: giao con chung là trẻ Nguyễn Đăng K cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thảo N được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích của con trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Thảo N khai không có nên không xét.

4. Về nợ chung: bà Nguyễn Thị Thảo N khai không có nên không xét.

5. Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thảo N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/XXXXXXXX ngày XX/XX/XXXX. Bà Nguyễn Thị Thảo N đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

- Nơi nhận:***
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
  - VKSND huyện Cần Giờ;
  - Chi cục THA dân sự huyện Cần Giờ;
  - UBND nơi đăng ký kết hôn;
  - Các đương sự;
  - Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phù Quốc Tuấn**